TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC THỌ** **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số : 05/2019/HNGĐ-ST
Ngày : 31/7/2019
V/v : Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC THỌ, TỈNH HÀ TĨNH

- Với thành phần hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Nguyễn Huy Trọng.

Các hội thẩm:

1. Ông Phạm Hồng Chương.
2. Ông Đoàn Xuân Toàn.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Thái Văn Nhật – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Thọ tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Nhung- Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2019, tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 42/2019/HNGĐ-ST ngày 03 tháng 5 năm 2019 về việc "*Hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2019/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị N; sinh năm: 1987; nơi ĐKNKTT: Thôn V, xã T, huyện D, tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú hiện nay: 111/YT khu 03 H, xã N, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Anh Phan Hùng C; sinh năm: 1987; nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn V, xã T, huyện D, tỉnh Hà Tĩnh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 5 năm 2019, bản tự khai tại hồ sơ và quá trình xét xử, chị Võ Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị N kết hôn với anh Phan Hùng C trên cơ sở tình yêu tự nguyện, không bị ai ép buộc, lừa dối và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện D, tỉnh Hà Tĩnh vào ngày 18/02/2013. Sau khi kết hôn, vợ

chồng chung sống và làm việc tại huyện T, tỉnh Đồng Nai. Tới tháng 11/2017, do làm ăn bị thua lỗ, đồng thời ông Phan Thanh L, là bố đẻ của anh C bị tai nạn ở quê nhà nên anh C đã trở về quê để sinh sống. Kể từ đây, giữa hai vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm với nhau, đồng thời anh C có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Bản thân chị N đã khuyên nhủ anh C nhiều lần để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Nay chị N thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên có nguyện vọng được ly hôn với anh Phan Hùng C.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phan Đình K, sinh ngày 14/12/2013. Từ khi sinh ra cho đến tháng 10/2017 con ở cùng với vợ chồng chị, nhưng từ tháng 11/2017 đến nay anh C đã tự ý đưa con về quê ở với ông bà nội. Chị Võ Thị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung không yêu cầu anh Phan Hùng C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Võ Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai, tài liệu tại hồ sơ và quá trình xét xử, anh Phan Hùng C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Hùng C xác định quan hệ hôn nhân của vợ chồng như chị Võ Thị N trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng là do tính cách không hòa hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm với nhau. Mặt khác, chị N còn hay ghen tuông vô cớ. Nay anh C không còn tình cảm với chị N, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên đồng ý ly hôn với chị N.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phan Đình K, sinh ngày 14/12/2013. Từ tháng 11/2017 đến nay anh Phan Hùng C là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con và cùng ở chung với ông bà nội. Anh C có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con và không yêu cầu chị Võ Thị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Phan Hùng C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Thọ phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng khác trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện theo đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án:

- Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55; Khoản 1, 2 Điều 81; Khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình công nhận thuận tình ly hôn giữa

chị Võ Thị N và anh Phan Hùng C; giao con chung Phan Đình K, sinh ngày 14/12/2013 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét.

- Về tài sản: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét.

- Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, Điểm a Khoản 5 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, buộc chị Võ Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ cũng như kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng

Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về ly hôn và nuôi con, bị đơn hiện cư trú tại xã T, huyện D, tỉnh Hà Tĩnh. Vì vậy, căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

[2] Về quan hệ hôn nhân

Chị Võ Thị N và anh Phan Hùng C kết hôn trên cơ sở tình yêu tự nguyện, đúng pháp luật, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện D, tỉnh Hà Tĩnh vào năm 2013 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, chị N và anh C thừa nhận thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng về sau giữa vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm sống, thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng tính tình không hợp nhau. Đến năm 2017, hai vợ chồng bắt đầu sống ly thân cho tới nay. Xét mâu thuẫn giữa vợ chồng chị N và anh C là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cả chị N và anh C đều có nguyện vọng được ly hôn. Vì vậy, cần chấp nhận cho chị Võ Thị N được ly hôn với anh Phan Hùng C, điều này phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con

Chị Võ Thị N và anh Phan Hùng C đều xác định vợ chồng có 01 con chung là Phan Đình K, sinh ngày 14/12/2013; đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Xét từ khi cháu K được sinh ra ngày 14/12/2013 đến tháng 10/2017, anh C và chị N cùng sống chung và nuôi dưỡng, chăm sóc đảm bảo cuộc sống cho con. Tuy nhiên, kể từ khi vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 11/2017 đến nay, anh C đưa con về sống với bố mẹ tại xã T nhưng không có sự đồng thuận của chị N, việc chị N không sống chung và nuôi dưỡng con là điều chị không mong muốn. Theo tài liệu, chứng cứ chị N cung cấp và anh C xác nhận thì chị vẫn thường

xuyên quan tâm, chăm sóc cuộc sống cho con thông qua việc hàng tháng đều gửi số tiền là 2.000.000 (Hai triệu) đồng cho anh C nuôi con. Bên cạnh đó, theo kết quả làm việc với hai cô giáo chủ nhiệm của cháu K tại trường mầm non T thể hiện, trong thời gian cháu K học tập tại trường, chị N đều đặn hai ngày một lần gọi điện cho cô giáo để hỏi thăm tình hình và nói chuyện với con; chị N thường xuyên gửi thuốc bổ về nhờ cô giáo cho cháu sử dụng để đảm bảo sức khỏe; vào ngày sinh nhật hoặc các ngày lễ chị đều nhờ anh trai mua bánh kẹo, hoa quả, nước yến.... đưa đến lớp cho cháu chung vui cùng các bạn. Điều đó thể hiện tình cảm và sự quan tâm, chăm sóc của chị N đối với con là chân thành và sâu sắc.

Trong khi đó, thời gian cháu K học tập tại trường, ông bà nội là người thường xuyên đưa đón và đóng các khoản chi phí theo quy định cho cháu, còn anh C ít khi đưa đón con. Anh C thừa nhận trong cuộc sống gia đình anh và bố hay xảy ra mâu thuẫn do không hợp tính nhau, anh có nhắn tin điện thoại nói chuyện tâm sự và xưng hô "bố và mẹ" với người phụ nữ có tên là T ở cùng xã. Việc này thể hiện môi trường và lối sống của anh C có những điều không lành mạnh, phù hợp với ý kiến xác nhận của chính quyền địa phương và cô giáo chủ nhiệm của cháu K.

Mặt khác, theo các tài liệu, chứng cứ tại hồ sơ thể hiện chị N là người có việc làm ổn định tại tỉnh Đồng Nai từ năm 2006 đến nay với mức thu nhập trung bình hàng tháng là 10.000.000 (Mười triệu) đồng. Trong khi đó, theo kết quả xác minh tại địa phương xã T thể hiện anh C là lao động tự do, việc làm và thu nhập hiện tại không ổn định, đang sống chung và cần sự trợ giúp của bố mẹ.

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử xét cần giao cháu Phan Đình K cho chị Võ Thị N nuôi dưỡng để đảm bảo cuộc sống ổn định cho cháu như đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp theo quy định tại Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Chị Võ Thị N không yêu cầu anh Phan Hùng C cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét.

[4] Về tài sản và khoản nợ chung

Chị Võ Thị N và anh Phan Hùng C không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo

Chị Võ Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm b Khoản 1 Điều 3, Khoản 1 Điều 6, Điểm a Khoản 1 Điều 24, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Võ Thị N và anh Phan Hùng C có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Khoản 1, 2 Điều 81, Khoản 1, 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm b Khoản 1 Điều 3, Khoản 1 Điều 6, Điểm a Khoản 1 Điều 24, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận cho chị Võ Thị N ly hôn anh Phan Hùng C.

2. Giao con chung là Phan Đình K, sinh ngày 14/12/2013 cho chị Võ Thị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Kiên đủ 18 tuổi.

Anh Phan Hùng C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở.

3. Chị Võ Thị N phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, số tiền trên chị N đã nộp đủ theo Biên lai thu tiền số 0005906 ngày 03 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

4. Chị Võ Thị N và anh Phan Hùng C được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 31/7/2019.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Nguyễn Huy Trọng

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện Đức Thọ (2b);
- Chi cục THADS huyện Đức Thọ;
- UBND xã T;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.